

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán,
điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh
tỉnh Kiên Giang đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 để chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc vai trò của công tác dân số đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh để phát hiện, can thiệp và điều trị sớm các bệnh, tật, các rối loạn chuyển hóa, di truyền ngay trong giai đoạn bào thai và sơ sinh.

- Phân tích thực trạng chương trình nâng cao chất lượng dân số tại địa phương; hạn chế, khó khăn và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để làm cơ sở đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp can thiệp phù hợp với tình hình thực tế.

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch thực hiện Chương trình; bảo đảm việc phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh phù hợp với từng địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:



Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm giảm thiểu số trẻ em sinh ra bị bệnh tật bẩm sinh góp phần nâng cao chất lượng dân số.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Giai đoạn 1: Từ năm 2022 - 2025

a) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70% năm 2025, giảm 30% số cặp tảo hôn, giảm 40% số cặp hôn nhân cận huyết thống.

b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 50% năm 2025.

c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70% năm 2025.

d) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025.

e) Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025.

2.2 Giai đoạn 2: Từ năm 2026 - 2030

a) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% năm 2030 và giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống năm 2030.

b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70% năm 2030.

c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90% năm 2030.

d) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 90% năm 2030.

e) Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 90% năm 2030.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Đối tượng:

- Đối tượng tác động: Người dân trên địa bàn toàn tỉnh, cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số các cấp, các cơ sở y tế, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

- Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Xây dựng kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, cơ quan, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện; có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn.

- Rà soát, đề xuất bổ sung chính sách cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của Chương trình.

- Rà soát, đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ cho các đối tượng là cộng tác viên dân số, nhân viên y tế xã, phường, thị trấn khi tư vấn, vận động đối tượng sử dụng các gói dịch vụ cơ bản.

- Triển khai các quy trình tiêu chuẩn đối với tổ chức, cá nhân khi tham gia tư vấn và cung cấp các dịch vụ của Chương trình theo hướng dẫn của trung ương.

- Xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Triển khai danh mục các bệnh tật thuộc gói dịch vụ cơ bản: Dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Triển khai danh mục mở rộng các bệnh tật ngoài gói dịch vụ cơ bản phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh và hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật của trung ương.

- Triển khai quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; bộ công cụ giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, dụng cụ, sinh phẩm y tế.

2. Tuyên truyền vận động và huy động xã hội:

- Cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình tới cấp ủy, chính quyền các cấp thông qua các hình thức truyền thông phù hợp. Lồng ghép với các hoạt động của chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan.

- Tăng cường công tác phối hợp với các ngành, đoàn thể, tuyên truyền, vận động các tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ; tham gia thực hiện Chương trình. Quan tâm truyền thông lồng ghép trong các hội nghị của ngành, đoàn thể liên quan trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng theo Kế hoạch. Lồng ghép nội dung truyền thông về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong các nội dung, hoạt động tuyên truyền của các cấp, các ngành, các đoàn thể và trong các khóa học giáo lý, giáo luật của tôn giáo.

- Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống đến các tầng lớp Nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc và vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ:

- Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Từng bước đầu tư hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn; bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, khám sức khỏe tiền hôn nhân; ưu tiên các địa bàn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

- Đào tạo chuyên giao kỹ thuật, tổ chức đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ y tế các cấp về thực hiện các kỹ thuật tầm soát, chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh đáp ứng mở rộng các danh mục bệnh theo quy định.

- Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ. Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- Thí điểm một số can thiệp, mô hình cung cấp dịch vụ tại khu công nghiệp và địa bàn có đối tượng khó tiếp cận; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ; tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, vận hành các cơ sở cung cấp dịch vụ. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở dữ liệu về các đối tượng của Chương trình.

4. Ứng dụng kỹ thuật mới:

- Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, đào tạo nhân viên kỹ thuật, chuyển giao công nghệ y sinh phục vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

- Nghiên cứu, xây dựng bản đồ dịch tễ đối với các bệnh tật cần sàng lọc trên phạm vi toàn tỉnh và tại các huyện, thành phố, chú trọng các địa bàn trọng điểm.

5. Huy động nguồn lực:

- Huy động mạng lưới y tế, dân số từ tỉnh đến cơ sở tham gia thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao, ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

- Huy động sự đóng góp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng và người sử dụng dịch vụ. Tranh thủ sự hỗ trợ, chuyển giao công nghệ của các đơn vị tuyến trên và các đơn vị cung ứng dịch vụ kỹ thuật sàng lọc các bệnh tật trước sinh, sơ sinh cho các hoạt động của Chương trình.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình và dự án khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đạt mục tiêu đề ra. Chỉ đạo các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc các bệnh tật trước sinh, sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản do Bộ Y tế ban hành. Chỉ đạo triển khai mở rộng sàng lọc các bệnh tật trước sinh, sơ sinh thuộc Chương trình phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ, chuyên môn kỹ thuật của các đơn vị, cơ sở y tế thực hiện cung cấp dịch vụ.



- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch. Tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hằng năm về UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế căn cứ khả năng ngân sách Nhà nước hằng năm tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch trong khả năng cân đối ngân sách. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách đầu tư cho các hoạt động tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Y tế lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh; lồng ghép các nguồn lực của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với Chương trình dân số. Phối hợp với Sở Tài chính cân đối nguồn ngân sách đảm bảo chi cho các nội dung hoạt động của Kế hoạch.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ để nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật mới trong việc sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

5. Sở Tư pháp:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định về hôn nhân và gia đình liên quan đến điều kiện đăng ký kết hôn, hậu quả của hôn nhân cận huyết thống.

6. Ban Dân tộc tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án can thiệp giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, lồng ghép các nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong các chương trình giáo dục ngoại khóa, chính khóa của cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, có trách nhiệm tuyên truyền về các nội dung, hoạt động theo Kế hoạch.

9. Các sở, ban, ngành khác: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp lồng ghép thực hiện có hiệu quả các hoạt động Chương trình, nhằm góp phần hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch đề ra.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 và các chính sách có liên quan, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình tại địa phương; bố trí nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách cấp huyện để triển khai thực hiện Chương trình; đẩy mạnh xã hội hóa thực hiện các hoạt động của Chương trình tại địa phương.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị y tế trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện; lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch với các chương trình, đề án khác trên địa bàn; đồng thời đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch. Định kỳ báo cáo sơ kết vào năm 2025 và báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2030 về Sở Y tế để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia triển khai và giám sát thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030. Yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện. Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế (qua Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) trước ngày 05/12 để tổng hợp, báo cáo theo quy định./. H2

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Tổng cục DS-KHHGD;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TV. BCĐ DS-KHHGD tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó CVP;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, pthtran.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Lưu Trung